**TUẦN 5.**

**Bài 4. Dân cư và dân tộc ở Việt Nam( tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.
* Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam và một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh và phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam, có sử dụng tranh ảnh, biểu đồ hoặc bảng số liệu.
* Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
* Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc Việt Nam.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* phát triển được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

***Năng lực riêng:***

* *Năng lực nhận thức và tư duy Địa lí:* so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á; nhận xét sự gia tăng dân số ở Việt Nam; nhận xét và sự phân bố dân cư; kể tên một số dân tộc ở Việt Nam.
* *Năng lực tìm hiểu Địa lí:* Khai thác bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh về dân số, dân tộc; đọc được lược đồ phân bố dân cư Việt Nam.
* *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã tìm hiểu để kể lại một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

**3. Phẩm chất**

* *Chăm chỉ:* Thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ham học hỏi, đọc sách mở rộng hiểu biết.
* *Tôn trọng:* Tôn trọng sự đa dạng văn hoá của các dân tộc

- HSKT biết bản thân mình thuộc dân tộc nào

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SHS, SGV, Vở bài tập Lịch sử 5.
* Bảng số liệu số dân các nước Đông Nam Á năm 2021.
* Biểu đồ số dân của Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021.
* Lược đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2021.
* Hình ảnh, video về dân cư, dân tộc Việt Nam.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

* SHS Lịch sử và Địa lí 5 Kết nối tri thức với cuộc sống.
* Thông tin, tài liệu, tranh ảnh về làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - GV cho HS quan sát tranh minh họa và nêu tên dân tộc có trong tranh.   |  |  | | --- | --- | | *Dân tộc Kinh* | *Dân tộc Tày* | | *Dân tộc Thái* | *Dân tộc Mường* | | *Dân tộc Ba Na.* | *Dân tộc Chăm* |   - GV dẫn dắt HS vào bài học: *Nước ta có 54 dân tộc, mỗi dân tộc lại có nét đặc sắc riêng. Để tìm hiểu sâu hơn về dân cư và dân tộc, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay:* ***Bài 4– Dân cư, dân tộc ở Việt Nam***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu về dân số**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong mục kết hợp quan sát Bảng dân số các nước Đông Nam Á năm 2021 SGK tr.20 làm việc với lược đồ và thực hiện nhiệm vụ sau:  *+ Cho biết dân số của nước ta năm 2021.*  *+ So sánh số dân nước ta năm 2021 với các quốc gia trong khu vực.*    - GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức:  *+ Dân số Việt Nam năm 2021 là 98 504 nghìn người (98,5 triệu người).*  *+ Dân số nước ta năm 2021 ít hơn 2 quốc gia Indonesia và Philippines.*  *+ Dân số nước ta năm 2011 nhiều hơn so với Thái lan, Myanmar, Malaysia, Cam-pu-chia, Lào, Singapore, Timor-Leste, Brunei.*  - GV hỏi thêm câu hỏi mở rộng:  *+ Nước nào có số dân đông nhất Đông Nam Á?*  *+ Nước ta có dân số đứng thứ mấy Đông Nam Á?*  - GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức:  ***+ Indonesia có dân số đông nhất Đông Nam Á là 273 753 nghìn người.***  ***+ Dân số nước ta đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á.***  - GV cho HS xem video “Dân số Việt Nam chạm ngưỡng 100 triệu người” | - HS quan sát và trả lời.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học mới.  - HS làm việc cá nhân.  - HS trình bày kết quả.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS xem video. |

Điều chỉnh sau tiết dạy:

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................